

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2020

V/v: Ly hôn giữa

Anh H và chị T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nôi
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà - tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/ HNGĐ-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Trần Quang H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã M, huyện H Hà, tỉnh Thái Bình; có mặt.

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H Hà, tỉnh Thái Bình.

(cố tình giấu địa chỉ - vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn anh Trần Quang H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M vào ngày 15-3-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nên trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi nhau. Tháng 7-2008, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện H Hà, tỉnh Thái Bình

sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7-2008 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ của cá nhân, tập thể nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05-6-2020 và ngày 14-7-2020 bà Vũ Thị M (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T), sinh năm 1969, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình trình bày: Gia đình bà có nhận được Giấy triệu tập và Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà gửi cho chị Nguyễn Thị T, bà đã điện thoại thông báo cho chị T toàn bộ những văn bản trên của Tòa án, nhưng chị T nói hiện nay đang làm ăn ở miền Nam, vì công việc bận nên không về Tòa án giải quyết vụ án được, quan điểm của chị T về việc giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào đầu năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tình tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7-2008 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh H khởi kiện ly hôn, chị cũng nhất trí; về nuôi con chung: Chị và anh H không có con chung; về chia tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung.

Hiện nay chị T làm nghề tự do, không có địa chỉ cụ thể nên chị T không cung cấp cho bà địa chỉ nơi chị T đang sinh sống. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, anh H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị T không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản của Tòa án đối với chị T theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: xử cho anh Trần Quang H được ly hôn chị Nguyễn Thị T; về nuôi con chung: không có; về chia tài sản

chung: Chưa giải quyết. anh H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Quang H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn”. Hiện chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện H Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện H Hà, tỉnh Thái Bình đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho chị T. Chị T đã biết Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà thụ lý, giải quyết vụ án, nH chị T đang làm ăn ở miền Nam, chị T không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị T và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H chị T chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tháng 7-2008, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Đồng Hà, xã Hồng An và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Xét thấy, vợ chồng anh H và chị T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh H được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh H và chị T không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Anh H và bà M đều trình bày: Quá trình chung sống anh H và chị T không có tài sản chung. Tuy nhiên, Tòa án chưa lấy được lời khai trực tiếp của chị T nên Hội đồng xét xử không giải quyết về phần tài sản chung của anh H và chị T tại phiên tòa hôm nay. Trường hợp có xảy ra tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị T.
2. Về nuôi con chung: anh H và chị T không có con chung.
3. Về chia tài sản: Chưa giải quyết.
4. Về án phí: Anh Trần Quang H phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006010 ngày 01-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Anh H đã nộp đủ).
5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Quang H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã M, huyện H Hà, tỉnh Thái Bình.

### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện H Hà;
- Chi cục THADS huyện H Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Chuyên**